

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC KẠN
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 10 - 4 - 2025

V/v Xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC KẠN, TỈNH BẮC KẠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Văn Khiếu.

2. Ông Đỗ Trung Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Bà Sầm Thị Bên - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 31/2024/TLST - HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2024 về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2025/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Tuyết L, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Tổ 2, khu phố 9, phường T, quận X, thành phố H. (Vắng mặt có lý do)

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Quốc H, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Tổ 4, phường S, thành phố B, tỉnh B. (Vắng mặt lần thứ hai không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai, các tài liệu trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn Trần Thị Tuyết L trình bày:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Từ năm 2003 Chị Trần Thị Tuyết L và anh Nguyễn Quốc H chung sống như vợ chồng và có 01 con chung nhưng chưa đăng ký kết hôn. Đến năm 2006 thì kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 27/02/2006 tại Ủy ban nhân dân thị trấn E, huyện K, tỉnh Đ. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc một thời gian ngắn. Sau đó vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã nhau, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đến năm 2009 thì anh H

mang theo con trai về sống ở quê tại tỉnh B, hai vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Trong suốt thời gian sống ly thân, hai bên không liên lạc hỏi thăm, không còn quan tâm đến nhau, không hàn gắn tình cảm. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, xin được ly hôn với anh H.

2. *Về con chung*: Chị L và anh H có 02 con chung là Trần Nguyễn Hà T2, sinh ngày 09/8/2003 và Nguyễn Trần Quốc T1, sinh ngày 26/9/2006. Các con chung khỏe mạnh, phát triển bình thường. Hiện nay các con chung đã trên mười tám tuổi, có cuộc sống riêng, chị không yêu cầu giải quyết về vấn đề con chung.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*:

- *Về tài sản chung*: Chị L xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Chị L xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Anh Nguyễn Quốc H mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, đã biết được thông tin chị L làm đơn xin ly hôn và Tòa án đã thụ lý vụ án nH anh H vẫn không có mặt, cũng không gửi ý kiến của mình cho Tòa án.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và phát biểu về quan điểm giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử: Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn chấp hành đúng yêu cầu quy định. Bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án và vắng mặt tại phiên tòa không có lý do là vi phạm khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là quan hệ tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình xem xét, quyết định:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Tuyết L. Chị Trần Thị Tuyết L được ly hôn anh Nguyễn Quốc H.

- *Về con chung*: Đương sự không có yêu cầu nên không giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Không có nợ chung.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 buộc chị Trần Thị Tuyết L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành thông báo về việc thụ lý vụ án theo quy định, đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, gửi giấy triệu tập cho anh Nguyễn Quốc H theo địa chỉ cư trú nH không thấy anh H có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án, anh H cũng không đến Tòa án tham gia tố tụng. Tòa án đã nhiều lần đến địa chỉ nhà anh H để giao thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác nH không lần nào gặp được anh H. Do đó Tòa án không thể thực hiện được việc cấp, tổng đạt, thông báo các văn

bản tố tụng cho anh H. Để đảm bảo quyền lợi cho đương sự theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa.

Nguyên đơn Trần Thị Tuyết L vắng mặt tại phiên tòa nh có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn Nguyễn Quốc H mặc dù được triệu tập hợp lệ nh cả hai lần đều vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân và tình trạng hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị Tuyết L và anh Nguyễn Quốc H là quan hệ hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn theo quy định. Sau thời gian đầu chung sống hạnh phúc thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Mâu thuẫn diễn ra suốt thời gian dài, hai bên thường xuyên xảy ra cãi vã. Mâu thuẫn giữa chị L và anh H ngày càng trầm trọng, đến năm 2009 thì hai người sống ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân hai bên không còn liên lạc hỏi thăm, không còn quan tâm đến nhau, không hàn gắn được quan hệ hôn nhân.

Kết quả xác minh về tình trạng hôn nhân tại Tổ 4, phường S, thành phố B, tỉnh B xác định: Mâu thuẫn giữa vợ chồng chị L anh H là có thật, vì tổ dân phố chỉ thấy anh H sống cùng bố mẹ đẻ và con trai từ năm 2009 đến nay. Không thấy chị L có mặt tại nơi anh H cư trú bao giờ.

Kết quả xác minh về tình trạng hôn nhân tại nơi chị L cư trú, tổ trưởng tổ dân phố cho biết chưa từng thấy anh H, cháu T1 tới thăm chị L ở nơi cư trú.

Xác minh với ông Nguyễn Đức Chúc và bà Nguyễn Thị Liên (bố mẹ đẻ của anh H). Ông Chúc, bà Liên cho biết anh H chị L kết hôn năm 2006, sau khi kết hôn, chị L anh H sống tại tỉnh Đắk Lắk. Vợ chồng chị L anh H mâu thuẫn đã lâu. Năm 2009 anh H mang cháu Nguyễn Trần Quốc T1 về ở cùng ông bà, ông bà phải hộ anh H nuôi con. Từ đó cho đến nay không thấy chị L liên lạc gì với ông bà hay anh H.

Hội đồng xét xử nhận thấy như vậy có đủ cơ sở để khẳng định rằng mâu thuẫn giữa chị L và anh H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Yêu cầu xin ly hôn của chị L là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị L và anh H có 02 con chung là Trần Nguyễn Hà T2, sinh ngày 09/8/2003 và Nguyễn Trần Quốc T1, sinh ngày 26/9/2006. Các con chung khỏe mạnh, phát triển bình thường. Hiện nay các con chung đã trên mười tám tuổi, có cuộc sống riêng, chị không yêu cầu giải quyết về vấn đề con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Trần Thị Tuyết L xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

[5] Về nợ chung: Nguyên đơn Trần Thị Tuyết L xác định không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trần Thị Tuyết L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 28, 35, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Trần Thị Tuyết L. Chị Trần Thị Tuyết L được ly hôn anh Nguyễn Quốc H.

2. Về con chung: Chị L và anh H có 02 con chung là Trần Nguyễn Hà T2, sinh ngày 09/8/2003 và Nguyễn Trần Quốc T1, sinh ngày 26/9/2006. Các con chung khỏe mạnh, phát triển bình thường. Hiện nay các con chung đã trên mười tám tuổi, có cuộc sống riêng, chị không yêu cầu giải quyết về vấn đề con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung:

- Về tài sản chung: Không xem xét, giải quyết.
- Về nợ chung: Không có, không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trần Thị Tuyết L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. NH được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0000656 ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự.”

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn Trần Thị Tuyết L, bị đơn Nguyễn Quốc H. Chị L, anh H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện TP BK;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- Chi cục THADS TP BK;
- UBND thị trấn Ea Knốp;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Hiền